TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2018/QĐDS-ST
Ngày: 25/7/2018
V/v: "*Hủy việc kết hôn trái pháp luật"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Đình Hợp - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 04/2018/TLST-DS ngày 21/6/2018 về yêu cầu "Hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp số:03/2018/QĐPH-ST ngày 13 tháng 7 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: UBND thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Viết tắt UBND thị trấn Triệu Sơn)
Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đức Tr- Chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tài Kh: Chức vụ: Công chức Tư pháp – Hộ tịch UBND thị trấn,(theo giấy ủy quyền ngày 23/6/2018) có mặt

2. Người bị yêu cầu: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980
Địa chỉ: Ngõ K, phố G, thị trấn TS, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
Chị Trịnh Thị Khánh H, sinh năm 1984
Địa chỉ: Phường Trường S, thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1983
Địa chỉ: Xóm N, xã Q, thành phố T,tỉnh Thanh Hóa
Chỗ ở hiện nay: Địa chỉ: Ngõ K, phố G, thị trấn TS, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt

4. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: UBND thị trấn TS yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2016 ngày 15/4/2016 của UBND thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn nhận định:

Ngày 15 tháng 4 năm 2016, anh Nguyễn Văn T, sinh năm1980, trú tại ngõ 74, phố phố G, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cùng chị Trịnh Thị Khánh H, sinh năm 1984, trú tại phường TS, thành phố Sầm Sơn đến trụ sở UBND thị trấn TS để làm thủ tục đăng ký kết hôn, chị H nộp cho UBND thị trấn Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND phường Trường Sơn cấp, đối với anh T là người địa phương, anh T khai báo gian dối về tình trạng hôn nhân và do thiếu thận trọng trong việc kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, sổ sách theo dõi việc đăng ký kết hôn nên cán bộ Tư pháp đã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 15/4/2016 cho anh T và chị H.

Sau khi cấp Giấy đăng ký kết hôn số 16 ngày 15/4/2016 cho anh T và chị H một thời gian, UBND thị trấn kiểm tra sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn của UBND thị trấn Triệu Sơn giai đoạn từ năm 2003 đến nay thì phát hiện trước đó UBND thị trấn Triệu Sơn đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 07/9/2003 cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980, trú tại phố Giắt thị trấn Triệu Sơn và chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1981, trú tại xóm 3, xã Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 07/9/2003 vẫn tồn tại hợp pháp.

UBND thị trấn đã yêu cầu anh T chị H đến giao nộp bản gốc Giấy đăng ký kết hôn số 16 ngày 15/4/2016 để UBND làm thủ tục hủy giấy đăng ký kết hôn này nhưng anh T chị H không hợp tác, sau khi UBND thị trấn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự thì anh T mới đến Ủy ban giao nộp bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 15/4/2016.

Tại các bản tự khai chị Ph và anh T đều khẳng định Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 07/9/2003 giữa chị Ph và anh T vẫn tồn tại hợp pháp, anh T cũng thừa nhận đã khai gian dối tình trạng hôn nhân của mình để được xin cấp giấy chứng nhận kết hôn với chị H là sai.

Như vậy việc UBND thị trấn Triệu Sơn ban hành Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 15/4/2016 để chứng nhận hôn nhân cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980, trú tại Ngõ K, phố G, thị trấn TS, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và chị Trịnh Thị Khánh H, sinh năm 1984, trú tại phường TS, thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa là vi phạm điểm c khoản 2 Điều 5 và điểm d khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần thiết phải hủy Giấy chứng nhận kết hôn này.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: UBND thị trấn Triệu Sơn không phải chịu lệ phí theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 29, Điều 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 5 và điểm d khoản 1 Điều 8, điểm b khoản 2 Điều 10, khoản 1,3 Điều 11, khoản

1,2 Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của UBND thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn.

Hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2016 ngày 15/4/2016 của UBND thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Chấm dứt quan hệ hôn nhân như vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Khánh H, các quan hệ khác được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: UBND thị trấn Triệu Sơn không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định, đối với những người vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 10 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- UBND thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Đình Hợp

Lê Đình Hợp

TÒA ÁN NHÂN DÂN……..[1]

Số:……../……./QĐDS-……[2]
Ngày:…....-…….-……[3]
V/v: [4]……...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án ……. [24] nhận định:[25] .....
- .....
- .....
- .....

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:[26] .....
.....
.....
Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp[27]: .....
.....
Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án [28]
……..
……
……

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 93-DS

(1) Ghi tên Toà án ra Quyết định giải quyết việc dân sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện A thuộc tỉnh B), nếu là Toà án nhân dân cấp tỉnh thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên).
(2) Ô thứ nhất ghi số Quyết định, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định, ô thứ ba ghi ký hiệu loại Quyết định, nếu là Quyết định sơ thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐDS-ST", nếu là Quyết định phúc thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐDS-PT".
(3) Ghi ngày, tháng, năm ra quyết định, không phân biệt phiên họp giải quyết việc dân sự diễn ra trong một buổi hay nhiều buổi.
(4) Ghi trích yếu nội dung của Quyết định, ví dụ: "Tuyên bố một người mất tích", "Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự",…
(5) và (6) Ghi tên các Thẩm phán trong trường hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự gồm có 3 Thẩm phán.
(7) và (24) Ghi tên Tòa án giải quyết việc dân sự
(8) Ghi tên Viện kiểm sát.
(9) Ghi ngày, tháng, năm diễn ra phiên họp giải quyết việc dân sự.
(10) Địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định).
(11) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý việc dân sự (ví dụ: Số: 30/2017/TLST-DS).
(12) Ghi trích yếu việc dân sự mà Tòa án giải quyết: Cần xác định việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại khoản, điều nào của Bộ luật tố tụng dân sự để ghi vào phần trích yếu của việc dân sự (ví dụ: Việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết là "Yêu cầu tuyên bố một người mất tích" được quy định tại khoản 3 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tuyên bố một người mất tích").
(13) Ghi rõ số, ký hiệu của Quyết định mở phiên họp, nếu là Quyết định mở phiên họp sơ thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐPH-ST", nếu là Quyết định mở phiên họp phúc thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐPH-PT".
(14) Ghi rõ tên người yêu cầu, nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
(15) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".
Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
(16) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
(17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
(19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (16).
(20) Ghi họ tên và địa chỉ của người làm chứng.
(21) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa

chỉ cư trú.
(22) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.
(23) Ghi rõ những vấn đề mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn yêu cầu của người yêu cầu.
(25) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn yêu cầu.
(26) Ghi rõ những căn cứ pháp luật để ra quyết định.
(27) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp.
(28) Lưu ý: Chỉ ghi nội dung quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự.
(29) Phần cuối cùng của quyết định, trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 1 Thẩm phán thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án).

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 3 Thẩm phán thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng giải quyết việc dân sự và đóng dấu (quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với quyết định để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)